UBND HUYỆN BA TƠ
TRƯỜNG TH&THCS BA VINH

Số: 211/KH-TH&THCS

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Ba Vinh, ngày 18 tháng 9 năm 2024

KẾ HOẠCH
Giáo dục cấp tiểu học năm học 2024 – 2025

Căn cứ Thông tư 32/2018/TT-BGDĐT ngày 26/12/2018 của Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành Chương trình giáo dục phổ thông; Quyết định 16/2006/QĐ-BGDĐT ngày 05/5/2006 của Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành Chương trình giáo dục phổ thông;

Căn cứ Quyết định số 994/QĐ-UBND ngày 08/8/2024 của Ủy ban nhân dân tỉnh Quảng Ngãi về việc ban hành khung Kế hoạch thời gian năm học 2024-2025 của giáo dục mầm non, giáo dục phổ thông và giáo dục thường xuyên trên địa bàn tỉnh;

Thực hiện Công văn số 474/GDĐT ngày 19/8/2024 của Phòng Giáo dục và Đào tạo Ba Tơ về Hướng dẫn thực hiện nhiệm vụ năm học 2024-2025 đối với giáo dục tiểu học;

Trường Tiểu học và Trung học cơ sở Ba Vinh xây dựng Kế hoạch giáo dục nhà trường cấp tiểu học năm học 2024-2025 như sau:

A. KHÁI QUÁT CHUNG

I. Đặc điểm tình hình

1. Đặc điểm tình hình kinh tế, văn hóa, xã hội địa phương

1.1. Đặc điểm tình hình

- Địa bàn của xã Ba Vinh có 09 thôn với hơn 1400 hộ và hơn 4200 nhân khẩu;

- Trường có một điểm trường chính đặt ở thôn Nước Y;

- Phần lớn phụ huynh sống bằng nghề nông, trồng rừng nguyên liệu, điều kiện kinh tế nhìn chung còn nhiều khó khăn;

- Học sinh hầu hết ở xa trường nên việc đi lại rất khó khăn vào mùa mưa lũ.

1.2. Thời cơ

- Nhà trường được sự quan tâm của Đảng uỷ, HĐND, UBND xã, nhất là Phòng Giáo dục và Đào tạo;

- Đội ngũ giáo viên đảm bảo về số lượng và cơ cấu bộ môn, nhiệt tình trong giảng dạy và giáo dục.

1.3. Thách thức

- Trình độ tiếp thu của học sinh không đồng đều. Một số học sinh năng lực tự học, tự giải quyết vấn đề chưa tốt;

- Một số phụ huynh quan tâm chưa đúng mức đến con em;

- Diện học sinh chậm đọc, viết, tính toán còn có ở các khối lớp;

- Việc ứng dụng công nghệ thông tin của một số giáo viên còn hạn chế. Ý thức tự học, tự bồi dưỡng chưa cao. Chưa chủ động, sáng tạo trong công việc;

- Công tác xã hội hóa chưa mạnh, các nguồn lực đầu tư cho giáo dục còn hạn chế;

- Chưa vận động được 100% PHHS phối hợp tốt với GV trong công tác giáo dục học sinh. Một số phụ huynh chưa quan tâm đến việc học tập cũng như rèn thể lực của học sinh.

2. Đặc điểm tình hình nhà trường năm học 2024 – 2025

2.1. Đặc điểm học sinh của trường

- Năm học 2024 -2025: trường có 15 lớp với 369 học sinh, tỉ lệ HS trên lớp đảm bảo theo quy định. Hầu hết các em đều ngoan, vâng lời thầy cô giáo, có ý thức trong học tập, biết giữ gìn vệ sinh thân thể, vệ sinh trường lớp; biết đoàn kết, giúp đỡ bạn bè để cùng nhau tiến bộ;

- Có 100% lớp học từ 9 buổi/ ngày trở lên;

- Nhà trường luôn tạo dựng môi trường giáo dục thân thiện, sáng tạo, năng động để mỗi học sinh phát triển tối đa khả năng của bản thân đáp ứng yêu cầu đổi mới của đất nước;

Qui mô trường lớp cụ thể như sau:

Tổng số học sinh: 369, được chia ra 15 lớp. Cụ thể như sau:

Khối	Số lớp	Số HS	Nữ	HS 7b/tuần	HS 8b/tuần	HS 9b/tuần	HS 10b/tuần	HS học T. Anh	HS học Tin học	GC
Một	3	70	38			70				
Hai	3	73	30			73				
Ba	3	67	35			67		67	67	
Bốn	3	80	41			80		80	80	
Năm	3	79	48			79		79	79	
Cộng	**15**	**369**	**192**			**369**		**226**	**226**	

2.2. Tình hình đội ngũ giáo viên, nhân viên, cán bộ quản lý

Thành phần		Tổng số					Đảng viên	Nữ	Biên chế	Hợp đồng	Tỉ lệ GV	Ghi chú
			Trên ĐH	ĐH	CĐ	TH						
CBQL		1		1			1		1			
Giáo viên	GVCB	17		13	1	3	13	10	17			
	MT	1		1			1	1	1			
	ÂN	1		1			1	1	1			
	Tin học											
	GCTC	1		1			1	1	1			
	T. Anh	1		1			1		1			
	TPT Đội											
	Tổng cộng	22		17	1		17	13	22		1,4	
Tổng toàn cấp		**22**		**17**	**1**	**3**	**17**	**13**	**22**		**1,4**	

2.3. Cơ sở vật chất, thiết bị dạy học; điểm trường, lớp ghép; cơ sở vật chất thực hiện bán trú, nội trú

	Phòng học VH	Mĩ thuật	Tin học	Tiếng Anh	Đội	HT	PHT	Văn phòng	Y tế	Thư viện	Thiết bị	Công đoàn	Kế toán VT	Phòng học có tivi
Điểm TT	16	1	1	1			1			1				7
Tổng cộng	**16**	**1**	**1**	**1**			**1**			**1**				**7**

- Cần xây dựng sân chơi, bãi tập và một số dụng cụ phục vụ giáo dục ngoài giờ lên lớp cho học sinh;

- Cần có kết nối mạng internet và màn hình tivi cho các lớp để phục vụ dạy học.

II. Mục tiêu giáo dục năm học 2024- 2025

1. Mục tiêu chung

1. Thực hiện hiệu quả Chương trình giáo dục phổ thông cấp tiểu học ban hành kèm theo Thông tư số 32/2018/TT-BGDĐT ngày 26/12/2018 của Bộ trưởng Bộ GDĐT; tăng cường bảo đảm an toàn trường học; thực hiện hiệu quả phân cấp quản lý gắn với trách nhiệm giải trình trong tổ chức thực hiện kế hoạch năm học theo quy định và phù hợp với thực tiễn tại địa phương.

2. Chú trọng thực hiện quy hoạch phát triển mạng lưới trường, lớp và đảm bảo cơ sở vật chất, thiết bị dạy học; duy trì, nâng cao chất lượng phổ cập giáo dục tiểu học và thực hiện giáo dục tiểu học là giáo dục bắt buộc theo quy định của Luật Giáo dục 2019.

3. Tiếp tục nâng cao chất lượng đội ngũ giáo viên và cán bộ quản lý; thực hiện xây dựng kế hoạch tuyển dụng, đào tạo, bồi dưỡng và tự bồi dưỡng để có đủ giáo viên, bảo đảm chất lượng dạy học các môn học, hoạt động giáo dục theo Chương trình giáo dục phổ thông cấp tiểu học; triển khai hiệu quả công tác đánh giá và bồi dưỡng thường xuyên giáo viên, cán bộ quản lý theo chuẩn nghề nghiệp và chuẩn hiệu trưởng.

4. Đẩy mạnh chuyển đổi số, đổi mới công tác quản lý, quản trị trường học; thực hiện quản trị trường học dân chủ, kỷ cương, nề nếp, chất lượng và hiệu quả giáo dục trong các cơ sở giáo dục tiểu học.

5. Tiếp tục thực hiện công tác kiểm tra, giám sát theo thẩm quyền; khai thác, sử dụng sách giáo khoa, các nguồn học liệu, thiết bị dạy học hiệu quả, phù hợp thực tiễn; vận dụng linh hoạt các phương pháp, hình thức tổ chức dạy học nhằm phát triển phẩm chất, năng lực học sinh; phát động, tổ chức các phong trào thi đua, nhân rộng các điển hình tiên tiến trong công tác dạy học.

B. NHIỆM VỤ CỤ THỂ

I. Thực hiện Chương trình giáo dục phổ thông

1. Thực hiện các giải pháp bảo đảm an toàn trường học

Duy trì vệ sinh môi trường trong trường học và các phương án bảo đảm sức khỏe thể chất và tinh thần cho học sinh, nhân viên, giáo viên, cán bộ quản lý; chủ động các phương án tổ chức dạy học linh hoạt, phù hợp với học sinh và điều kiện thực tiễn, đề phòng trường hợp xảy ra thiên tai, dịch bệnh tại địa phương, nhà trường trên cơ sở đánh giá tổng kết, rút kinh nghiệm từ các năm học trước; kiểm tra, rà soát, đánh giá lại chất lượng các công trình trường học, lập kế hoạch và thực hiện việc bảo trì công trình theo quy định; không đưa vào sử dụng các công trình đã hết niên hạn sử dụng, không bảo đảm an toàn theo quy định khi chưa được cải tạo, sửa chữa, nâng cấp.

Tiếp tục tổ chức triển khai có hiệu quả các nhiệm vụ về giáo dục đạo đức, lối sống, kĩ năng sống cho học sinh, xây dựng văn hóa học đường; công tác xã hội, công tác tư vấn tâm lý cho học sinh trong trường học, công tác bảo đảm môi trường giáo dục an toàn, lành mạnh, thân thiện, phòng chống bạo lực học đường.

2. Thực hiện chương trình, kế hoạch giáo dục

a) Xây dựng kế hoạch giáo dục của nhà trường để chủ động, linh hoạt thực hiện và hoàn thành chương trình năm học

Tổ chức xây dựng kế hoạch giáo dục của nhà trường, kế hoạch dạy học các môn học, hoạt động giáo dục và kế hoạch bài dạy theo hướng dẫn tại Công văn số 333/GDĐT ngày 02/7/2021 của Phòng Giáo dục và Đào tạo; bố trí thời gian thực hiện chương trình hiệu quả bảo đảm tính khoa học, sư phạm, không gây áp lực đối với học sinh; linh hoạt trong tổ chức thực hiện dạy học các môn học, hoạt động giáo dục phù hợp với điều kiện thực tế của địa phương, nhà trường và đối

tượng học sinh, bảo đảm cuối năm học học sinh đạt được yêu cầu cần đạt theo quy định của chương trình.

b) Thực hiện chương trình giáo dục phổ thông

Các cơ sở giáo dục thực hiện Chương trình giáo dục phổ thông 2018 theo các văn bản hướng dẫn chuyên môn về giáo dục tiểu học đã được Bộ GDĐT ban hành, cụ thể:

- Bảo đảm tỷ lệ 01 phòng học/lớp, cơ sở vật chất, sĩ số học sinh/lớp theo quy định tại Điều lệ trường tiểu học; có đủ thiết bị dạy học tối thiểu theo quy định; bảo đảm tỷ lệ 1,5 giáo viên/lớp và cơ cấu giáo viên để dạy đủ các môn học, hoạt động giáo dục và tổ chức dạy học hai buổi/ngày theo quy định;

- Thực hiện dạy học các môn học và hoạt động giáo dục bắt buộc, các môn học tự chọn theo quy định của Chương trình giáo dục phổ thông 2018; tổ chức các hoạt động củng cố để học sinh hoàn thành nội dung học tập, các hoạt động giáo dục đáp ứng nhu cầu, sở thích, năng khiếu của học sinh; các hoạt động tìm hiểu tự nhiên, xã hội, văn hóa, lịch sử, truyền thống của địa phương;

- Tổ chức dạy học 2 buổi/ngày, mỗi ngày bố trí không quá 7 tiết học, mỗi tiết 35 phút; thực hiện kế hoạch dạy học tối thiểu 9 buổi/tuần với 32 tiết/tuần; kế hoạch giáo dục bảo đảm phân bổ hợp lý giữa các nội dung giáo dục, giúp học sinh hoàn thành nhiệm vụ học tập, yêu cầu cần đạt của chương trình; tạo điều kiện cho học sinh được học tập các môn học tự chọn và tham gia các hoạt động giáo dục nhằm thực hiện mục tiêu giáo dục toàn diện ở tiểu học; thời khóa biểu cần được sắp xếp một cách khoa học, bảo đảm tỷ lệ hợp lý giữa các nội dung dạy học và hoạt động giáo dục, phân bổ hợp lý về thời lượng, thời điểm trong ngày học và tuần học phù hợp với tâm sinh lý lứa tuổi học sinh tiểu học.

- Tổ chức các hoạt động cho học sinh ngoài giờ học chính thức trong ngày là hoạt động theo nhu cầu, sở thích của học sinh trong khoảng thời gian từ sau giờ học chính thức cho đến thời điểm được cha mẹ học sinh đón về nhà; căn cứ vào nhu cầu, sở thích của học sinh, có thể tổ chức các hoạt động dưới hình thức sinh hoạt câu lạc bộ hoặc sử dụng cơ sở vật chất của nhà trường (thư viện, sân chơi, bãi tập, nhà đa năng…) tạo điều kiện để học sinh vui chơi, giải trí; việc tổ chức hoạt động sau giờ học chính thức trong ngày dưới hình thức sinh hoạt câu lạc bộ cần được cấp có thẩm quyền phê duyệt.

3. Tổ chức dạy học các môn Ngoại ngữ 1, Tin học theo Chương trình giáo dục phổ thông cấp tiểu học

a) Tổ chức dạy học các môn Ngoại Ngữ 1

Đối với lớp 3, lớp 4 và lớp 5: triển khai thực hiện các giải pháp để tổ chức dạy học môn Ngoại ngữ 1 bắt buộc; lựa chọn trong các môn Ngoại ngữ 1 đã có

đủ điều kiện triển khai phù hợp với khả năng của trường, nhu cầu của học sinh và cha mẹ học sinh, bảo đảm tính liên thông và theo các yêu cầu được quy định trong chương trình các môn ngoại ngữ và các văn bản chỉ đạo của Bộ GDĐT;

Khuyến khích các cơ sở giáo dục thực hiện xã hội hóa theo tinh thần tự nguyện trong dạy học ngoại ngữ để tăng cường thời lượng học; dạy học ngoại ngữ qua các chủ đề Toán và Khoa học. Tăng cường tổ chức cho giáo viên, học sinh học ngoại ngữ qua truyền hình, các phương tiện truyền thông, các nguồn học liệu phù hợp khác. Đẩy mạnh thực hành ngoại ngữ qua các hoạt động như đọc truyện, hoạt động trải nghiệm, tạo môi trường ngoại ngữ ngoài lớp học, các sân chơi, giao lưu cho học sinh theo chỉ đạo của Bộ GDĐT.

b) Tổ chức dạy học môn Tin học

Tổ chức dạy học môn Tin học bắt buộc cho 100% học sinh lớp 3, lớp 4, lớp 5 theo yêu cầu được quy định trong Chương trình giáo dục phổ thông 2018; triển khai thực hiện các giải pháp để tổ chức dạy học môn Tin học theo hướng dẫn của Bộ GDĐT.

Tổ chức thực hiện các hoạt động giáo dục tin học, giáo dục kĩ năng công dân số cho học sinh theo hướng dẫn của Bộ GDĐT; tăng cường thời lượng, nội dung theo từng chủ đề, mạch kiến thức nhằm củng cố, khắc sâu các kiến thức trong môn Tin học đồng thời tạo điều kiện để học sinh được nghiên cứu, tìm hiểu, khám phá, mở rộng kiến thức Tin học, phát triển năng lực Tin học.

Tổ chức tập huấn, xây dựng kế hoạch triển khai giáo dục kỹ năng công dân số theo Chương trình giáo dục phổ thông theo hướng dẫn của Bộ GDĐT.

4. Thực hiện nội dung giáo dục địa phương theo Chương trình giáo dục phổ thông

Tổ chức tập huấn và hướng dẫn cụ thể nội dung giáo dục địa phương lớp 5; đẩy mạnh việc quán triệt, hướng dẫn cán bộ quản lý, giáo viên xây dựng kế hoạch tổ chức dạy học nội dung giáo dục địa phương; thực hiện hiệu quả công tác tập huấn giúp giáo viên xác định được cách thức xây dựng kế hoạch thực hiện nội dung giáo dục địa phương bảo đảm quy định theo Chương trình giáo dục phổ thông phù hợp với đặc thù của môn học, cấp học, lớp học.

5. Triển khai giáo dục STEM

Tổ chức thực hiện giáo dục STEM tiếp cận theo định hướng của Chương trình giáo dục phổ thông 2018 theo hướng dẫn của Phòng Giáo dục và đào tạo với những yêu cầu cụ thể như sau:

Tổ chức tập huấn, hướng dẫn xây dựng kế hoạch triển khai thực hiện bảo đảm theo điều kiện học sinh, giáo viên và cơ sở vật chất của nhà trường; tổ chức hội nghị chuyên đề, đánh giá, sơ kết, tổng kết rút kinh nghiệm đảm bảo triển khai

thực hiện giáo dục STEM tại các cơ sở giáo dục đạt chất lượng, hiệu quả và thiết thực.

Tăng cường tham mưu các cấp quan tâm bố trí nguồn kinh phí, trang bị cơ sở vật chất để bảo đảm thực hiện hiệu quả giáo dục STEM trong các cơ sở giáo dục tiểu học trên địa bàn phù hợp với điều kiện của địa phương theo quy định; thực hiện hiệu quả công tác tuyên truyền, nâng cao nhận thức của cán bộ quản lí, giáo viên, cha mẹ học sinh, học sinh về vai trò của giáo dục STEM. Trong quá trình triển khai thực hiện tại địa phương cần hướng dẫn giáo viên sử dụng hiệu quả nguồn học liệu tại địa chỉ website https://stemtieuhoc.edu.vn và tổ chức lựa chọn tài liệu, các nguồn học liệu khác theo quy định.

6. Nâng cao hiệu quả phương pháp, hình thức tổ chức dạy học và phương pháp, hình thức đánh giá

a) Thực hiện linh hoạt các phương pháp và hình thức tổ chức dạy học

Chủ động trong việc sử dụng, triển khai các phương pháp, hình thức tổ chức hoạt động giáo dục, trong đó có phương pháp, hình thức tổ chức dạy học, đáp ứng mục tiêu, yêu cầu của chương trình giáo dục, bảo đảm chất lượng, hiệu quả; vận dụng phù hợp những thành tố tích cực của các mô hình, phương thức giáo dục tiên tiến nhằm nâng cao chất lượng, hiệu quả giáo dục, đặc biệt là đổi mới tổ chức hoạt động giáo dục trên lớp học; tăng cường tổ chức thực hành trải nghiệm, vận dụng kiến thức vào thực tế cuộc sống; dạy học tích hợp các nội dung giáo dục ở cấp tiểu học linh hoạt với các hình thức tổ chức phù hợp theo kế hoạch giáo dục của nhà trường.

Đổi mới nội dung và hình thức sinh hoạt chuyên môn thông qua hoạt động dự giờ, nghiên cứu bài học; nâng cao chất lượng và thực chất trong việc xây dựng kế hoạch bài dạy (giáo án) bảo đảm tạo thuận lợi cho quá trình triển khai hiệu quả phương pháp dạy học, kĩ thuật dạy học, kiểm tra, đánh giá, thiết bị dạy học, học liệu, nhằm phát triển phẩm chất, năng lực của học sinh trong quá trình dạy học; tránh việc áp dụng hình thức, khuôn mẫu trong việc xây dựng kế hoạch bài dạy và thực hiện tiến trình dạy học mỗi bài học thành các hoạt động học với sản phẩm học tập cụ thể mà học sinh phải hoàn thành; cách thức thực hiện linh hoạt để tổ chức dạy học phát huy tính tự học, chủ động, sáng tạo của học sinh; tham khảo các bài giảng trên truyền hình, kho học liệu số dùng chung của Bộ GDĐT để nâng cao năng lực nghề nghiệp của giáo viên.

b) Thực hiện hiệu quả các phương pháp và hình thức đánh giá

Thực hiện đánh giá học sinh tiểu học theo quy định tại Thông tư số 27/2020/TT-BGDĐT; bảo đảm phù hợp với kế hoạch dạy học, phương pháp, hình thức tổ chức dạy học; không kiểm tra, đánh giá vượt quá yêu cầu cần đạt của chương trình giáo dục phổ thông cấp tiểu học;

Thực hiện có hiệu quả các hình thức, phương pháp đánh giá áp dụng cho đánh giá thường xuyên và đánh giá định kỳ. Các nhà trường cần xây dựng ma trận đề, ngân hàng câu hỏi, ngân hàng đề kiểm tra phục vụ cho đánh giá định kỳ đối với các môn học có bài kiểm tra định kỳ. Việc thực hiện các phương pháp, hình thức đánh giá các môn học, hoạt động giáo dục phải bảo đảm yêu cầu về tính trung thực, khách quan, công bằng, đánh giá chính xác kết quả học tập và rèn luyện của học sinh;

Thực hiện nghiêm túc bàn giao kết quả giáo dục cuối năm học, phù hợp với từng nhóm đối tượng, kiên quyết không để học sinh "ngồi nhầm lớp"; thực hiện khen thưởng học sinh thực chất, đúng quy định, tránh khen tràn lan gây bức xúc cho cha mẹ học sinh và dư luận xã hội;

Tiếp tục tổ chức tập huấn, hướng dẫn các giáo viên về hình thức tổ chức, phương pháp đánh giá thường xuyên; biên soạn đề và tổ chức thực hiện bài kiểm tra định kỳ cho các môn học theo Thông tư số 27/2020/TT-BGDĐT và Quyết định số 2904/QĐ-BGDĐT ngày 07/10/2022.

II. Thực hiện quy hoạch phát triển mạng lưới trường, lớp; củng cố, nâng cao chất lượng phổ cập giáo dục và thực hiện công bằng trong tiếp cận giáo dục

1. Rà soát, quy hoạch hợp lý mạng lưới trường, lớp

Triển khai rà soát, sắp xếp, tổ chức lại các cơ sở giáo dục tiểu học theo hướng dẫn của Bộ GDĐT, bảo đảm thực hiện giáo dục tiểu học là giáo dục bắt buộc theo quy định tại Luật Giáo dục 2019 và công bằng trong tiếp cận giáo dục, theo hướng thuận lợi cho việc học của học sinh gắn với các điều kiện bảo đảm chất lượng, đáp ứng yêu cầu đổi mới giáo dục theo Chương trình giáo dục phổ thông; động phù hợp cho từng cấp học; bảo đảm các quy định phòng học bộ môn của cơ sở giáo dục phổ thông, trong đó các phòng học bộ môn cần được bố trí riêng biệt cho các cấp học, ngoại trừ các phòng học bộ môn có thể sử dụng chung cho một số môn học bảo đảm đáp ứng yêu cầu về nội dung, phương pháp và hình thức tổ chức dạy học.

2. Củng cố, nâng cao chất lượng phổ cập giáo dục và bảo đảm hiệu quả công tác kiểm định chất lượng giáo dục, xây dựng trường đạt chuẩn quốc gia

a) Củng cố, nâng cao chất lượng phổ cập giáo dục

Tiếp tục tham mưu các cấp lãnh đạo quan tâm chỉ đạo thực hiện hiệu quả công tác phổ cập giáo dục, xoá mù chữ theo các quy định của Chính phủ và Bộ GDĐT; tiếp tục chỉ đạo các trường tiểu học thực hiện hiệu quả công tác phối hợp với các trung tâm học tập cộng đồng để tổ chức các lớp dạy học chương trình xoá mù chữ và triển khai các giải pháp phù hợp khuyến khích đối tượng xoá mù chữ tham gia học tập; tăng cường công tác tập huấn, điều tra, phúc tra, nhập số liệu vào hệ thống, hoàn thiện, lưu trữ hồ sơ và thực hiện đúng quy trình, thủ tục kiểm

tra công nhận đạt chuẩn phổ cập giáo dục tiểu học, trong đó tập trung chỉ đạo mức độ đạt chuẩn cần gắn liền với các điều kiện bảo đảm nhằm tạo nền tảng củng cố, nâng cao thực chất chất lượng phổ cập giáo dục tiểu học, bảo đảm thực hiện giáo dục tiểu học là giáo dục bắt buộc và góp phần nâng cao chất lượng giáo dục toàn diện.

b) Thực hiện hiệu quả công tác kiểm định chất lượng giáo dục và xây dựng trường đạt chuẩn quốc gia

Tiếp tục thực hiện kiểm định chất lượng giáo dục và kiểm tra công nhận trường tiểu học đạt chuẩn quốc gia theo quy định của Bộ GDĐT.

3. Triển khai các giải pháp tăng cường tiếng Việt cho học sinh dân tộc thiểu số và dạy học tiếng Việt cho trẻ em là người dân tộc thiểu số trước khi vào lớp 1

a) Tăng cường tiếng Việt cho học sinh vùng dân tộc thiểu số

Triển khai thực hiện Đề án "Tăng cường tiếng Việt cho trẻ mầm non và học sinh tiểu học vùng dân tộc thiểu số giai đoạn 2021-2025" trên địa bàn tỉnh Quảng Ngãi, cụ thể: Nâng cao năng lực chuyên môn nghiệp vụ cho cán bộ quản lý, giáo viên về việc tăng cường tiếng Việt cho học sinh dân tộc thiểu số; tham mưu UBND cấp huyện bố trí kinh phí tổ chức triển khai các hoạt động tăng cường tiếng Việt cho học sinh tiểu học vùng dân tộc thiểu số hàng năm; tiếp tục thực hiện các giải pháp tăng cường tiếng Việt cho học sinh tiểu học vùng dân tộc thiểu số linh hoạt, phù hợp với điều kiện của từng địa phương; tăng cường kiểm tra, giám sát, tư vấn, hỗ trợ việc triển khai các hoạt động tăng cường tiếng Việt cho học sinh tiểu học vùng dân tộc thiểu số, việc dạy học tăng cường tiếng Việt theo các tài liệu đã được Bộ GDĐT tổ chức biên soạn, thẩm định và phê duyệt.

b) Tổ chức dạy học tiếng Việt cho trẻ em là người dân tộc thiểu số trước khi vào lớp Một

Triển khai dạy học tiếng Việt cho trẻ em là người dân tộc thiểu số trước khi vào lớp Một theo quy định tại Thông tư số 23/2023/TT-BGDĐT ngày 08/12/2023; tập huấn và bồi dưỡng cho cán bộ quản lý, giáo viên về nội dung, phương pháp dạy học tiếng Việt cho trẻ là người dân tộc thiểu số trước khi vào lớp Một; chỉ đạo, hướng dẫn, kiểm tra, đánh giá việc tổ chức dạy học tiếng Việt cho trẻ là người dân tộc thiểu số trước khi vào lớp Một phù hợp với điều kiện của địa phương.

4. Thực hiện giáo dục đối với trẻ khuyết tật, trẻ em có hoàn cảnh khó khăn

Nâng cao chất lượng giáo dục đối với trẻ khuyết tật, xây dựng, tổ chức triển khai thực hiện Kế hoạch giáo dục người khuyết tật tại địa phương theo Luật Người khuyết tật 2010 và các văn bản về giáo dục người khuyết tật. Bảo đảm các điều kiện để trẻ em khuyết tật được tiếp cận với giáo dục, tăng cường giáo dục

hòa nhập; được học hòa nhập, được học tập và đánh giá theo kế hoạch giáo dục cá nhân. Việc tổ chức dạy và học cho học sinh khuyết tật phải được thực hiện trên cơ sở kế hoạch giáo dục phù hợp với nhu cầu và khả năng của học sinh khuyết tật.

III. Củng cố và tăng cường các điều kiện bảo đảm chất lượng giáo dục

1. Củng cố và phát triển đội ngũ giáo viên và cán bộ quản lí giáo dục

a) Thực hiện tham mưu tuyển dụng và linh hoạt các giải pháp bố trí, sử dụng giáo viên

Tiếp tục tham mưu UBND huyện tổ chức tuyển dụng giáo viên, thực hiện rà soát, bố trí, sử dụng giáo viên bảo đảm đủ giáo viên dạy đúng, đủ các môn học theo quy định; khắc phục tình trạng thiếu hoặc bố trí, sử dụng giáo viên không phù hợp với chuyên ngành đào tạo đối với cấp tiểu học môn Tiếng Anh, môn Tin học;

b) Nâng cao năng lực đội ngũ giáo viên và cán bộ quản lí giáo dục

Xây dựng đội ngũ cán bộ quản lý và giáo viên cốt cán các môn học để triển khai bồi dưỡng tại địa phương theo phương thức bồi dưỡng trực tuyến, thường xuyên, liên tục, ngay tại trường; gắn nội dung bồi dưỡng thường xuyên với nội dung sinh hoạt tổ, nhóm chuyên môn trong trường và cụm trường để nâng cao năng lực nghề nghiệp giáo viên; tiếp tục triển khai hiệu quả công tác đánh giá và bồi dưỡng thường xuyên theo chuẩn nghề nghiệp giáo viên và chuẩn hiệu trưởng cơ sở giáo dục phổ thông.

Tổ chức sinh hoạt chuyên môn và hướng dẫn giáo viên trong tổ, nhóm chuyên môn tham gia cùng xây dựng kế hoạch cá nhân, kịp thời phát hiện thuận lợi, khó khăn và đề xuất những biện pháp giải quyết khó khăn về chuyên môn, nghiệp vụ khi thực hiện chương trình, sách giáo khoa mới.

2. Tăng cường cơ sở vật chất và thiết bị dạy học

a) Bảo đảm các điều kiện về cơ sở vật chất, thiết bị dạy học

Chủ động tham mưu UBND huyện đầu tư cơ sở vật chất, phòng học, phòng chức năng, sân chơi bãi tập, khu về sinh bảo đảm học sinh tiểu học được học 2 buổi/ngày.

Tăng cường tham mưu UBND huyện cân đối, bố trí ngân sách phù hợp cho đầu tư cơ sở vật chất, thực hiện mua sắm thiết bị dạy học để thực hiện hiệu quả chương trình, sách giáo khoa giáo dục phổ thông cấp tiểu học theo quy định của Bộ GDĐT.

b) Nâng cao hiệu quả hoạt động của thư viện trường học

Tiếp tục chỉ đạo các nhà trường chủ động triển khai hiệu quả, thiết thực các hoạt động thư viện, hoạt động khuyến đọc; sắp xếp bố trí nhân viên thư viện đúng

chuyên môn làm công tác thiết lập và vận hành thư viện; tăng cường tập huấn, bồi dưỡng nâng cao năng lực cho giáo viên và nhân viên thư viện về công tác tổ chức hoạt động đọc cho học sinh; xây dựng thời khóa biểu dành cho tiết đọc thư viện và tiết học thư viện theo quy định; đầu tư cơ sở vật chất, phương tiện kĩ thuật, học liệu và tăng cường ứng dụng công nghệ thông tin trong công tác quản lý và tổ chức hoạt động thư viện, đặc biệt là phát triển thư viện số, thư viện trực tuyến; huy động sự tham gia của cha mẹ học sinh và cộng đồng trong quá trình tổ chức hoạt động nhằm góp phần xây dựng văn hóa đọc trong nhà trường và cộng đồng.

3. Tăng cường chuyển đổi số trong giáo dục, đào tạo và giáo dục kĩ năng công dân số

a) Tăng cường ứng dụng công nghệ thông tin và chuyển đổi số trong giáo dục và đào tạo

Chủ động xây dựng kế hoạch triển khai thực hiện Đề án "Tăng cường ứng dụng công nghệ thông tin và chuyển đổi số trong giáo dục và đào tạo giai đoạn 2022-2025, định hướng đến năm 2030" phù hợp với kế hoạch, đề án triển khai thực hiện tại trường.

Tăng cường đầu tư cơ sở vật chất, thiết bị dạy học, tập huấn sử dụng cho đội ngũ giáo viên bảo đảm tỉ trọng nội dung chương trình giáo dục phổ thông được triển khai dưới hình thức trực tuyến (tổ chức các tiết dạy học, các hoạt động giáo dục, tập huấn, bồi dưỡng, sinh hoạt chuyên môn, hội thảo chuyên môn... bằng hình thức trực tuyến) đạt tối thiểu từ 2% đến 5% ở cấp tiểu học; khuyến khích các cơ sở giáo dục duy trì phương thức dạy học trực tuyến đối với một số môn học, hoạt động giáo dục; chuẩn bị các phương án sẵn sàng đáp ứng yêu cầu tổ chức dạy học trong điều kiện thiên tai, dịch bệnh không thể tổ chức dạy học trực tiếp. Thực hiện thí điểm một số nội dung chuyển đổi số (Thư viện số, Quản lý hồ sơ chuyên môn trên môi trường số, Kho học liệu số) theo kế hoạch của Bộ GDĐT. Tăng cường đầu tư cơ sở vật chất, hạ tầng công nghệ thông tin; bồi dưỡng đội ngũ về kĩ năng công nghệ thông tin sẵn sàng triển khai thực hiện các nội dung cụ thể về chuyển đổi số theo kế hoạch.

b) Triển khai Học bạ số

Thực hiện triển khai chất lượng, hiệu quả Học bạ số từ năm học 2024 - 2025; thực hiện Chỉ thị số 04/CT-TTg ngày 11/02/2024 của Thủ tướng Chính phủ về tiếp tục đẩy mạnh triển khai Đề án phát triển ứng dụng dữ liệu về dân cư, định danh và xác thực điện tử phục vụ chuyển đổi số quốc gia giai đoạn 2022 - 2025, tầm nhìn đến năm 2030 tại các bộ, ngành, địa phương năm 2024 và những năm tiếp theo.

IV. Tăng cường thực hiện đổi mới công tác quản lý giáo dục

1. Tiếp tục triển khai thực hiện đổi mới công tác quản lý trong các cơ sở giáo dục tiểu học theo quy định, trong đó tập trung thực hiện có hiệu quả các nội dung sau:

- Đẩy mạnh sử dụng công nghệ thông tin trong tổ chức và quản lý các hoạt động chuyên môn trong nhà trường; thực hiện nhập số liệu, khai thác, sử dụng thống nhất dữ liệu toàn ngành về trường, lớp, học sinh, giáo viên, trường chuẩn quốc gia và các thông tin khác trong quản lý, báo cáo;

- Tiếp tục thực hiện tinh giản hồ sơ, sổ sách trong nhà trường;

- Quản lý và sử dụng xuất bản phẩm tham khảo theo quy định, trong đó thực hiện nghiêm việc lạm dụng vị trí công tác của giáo viên, cán bộ quản lý giáo dục để thực hiện hoặc tham gia thực hiện việc ép buộc, vận động học sinh hoặc cha mẹ học sinh mua xuất bản phẩm tham khảo.

2. Đẩy mạnh công tác kiểm tra, hướng dẫn việc thực hiện chính sách, pháp luật về giáo dục và đào tạo, trong đó chú trọng các nội dung kiểm tra: việc triển khai Chương trình giáo dục phổ thông cấp tiểu học; tổ chức lựa chọn sách giáo khoa, quản lý và sử dụng xuất bản phẩm tham khảo; công tác quản lý hoạt động dạy học; công tác quản lý các cơ sở giáo dục tiểu học tư thục, các cơ sở giáo dục có yếu tố nước ngoài, các chương trình giáo dục tích hợp, chương trình giáo dục của nước ngoài, chương trình giáo dục bằng tiếng nước ngoài; nội dung giáo dục bắt buộc dành cho học sinh Việt Nam tại các cơ sở giáo dục tư thục có vốn đầu tư nước ngoài.

C. CHỈ TIÊU VÀ GIẢI PHÁP

I. Chỉ tiêu cụ thể .

1 . Chỉ tiêu đối với giáo viên

- 100% CB,GV, NV tham gia học tập, quán triệt và thực hiện nghiêm túc chủ trương đường lối của Đảng, chính sách pháp luật của Nhà nước, kế hoạch của ngành và của nhà trường đề ra trong năm học;

- 100% CB,GV,NV đăng ký thực hiện các cuộc vận động "Học tập và làm theo tư tưởng, đạo đức, phong cách Hồ Chí Minh";

- 100% CBVC tham gia điều tra công tác PC cập nhật đầy đủ, chính xác;

- 100% giáo viên thực hiện đảm bảo hồ sơ chuyên môn trên hệ thống quản trị EDOC; cập nhật nội dung hồ sơ, sổ sách và báo cáo kịp thời, chính xác, đúng qui định;

- 100% CBVC thực hiện nghiêm túc, đúng giờ giấc qui định hàng ngày; tham gia đầy đủ các hoạt động do nhà trường, ngành giáo dục và địa phương tổ chức. Có trách nhiệm tham gia đầy đủ nghĩa vụ công dân nơi cư trú;

- Giáo viên dự giờ đồng nghiệp 7 tiết/năm (trừ tiết sinh hoạt trường, sinh hoạt cụm trường);

- 100% CB,GV, NV không vi phạm đạo đức nhà giáo;

- Thi giáo viên dạy giỏi cấp trường, đăng ký tham gia thi cấp huyện 2 giáo viên;

- Tổ chức sinh hoạt 02 (hai) chuyên đề/tổ/năm;

- Kiểm tra chéo hồ sơ trong tổ 1 lần/học kì. Tổ trưởng kiểm tra hồ sơ giáo viên trong tổ 2 lần/học kì; hàng kỳ, tổ chức kiểm tra đánh giá, thu thập số liệu kịp thời;

- Thực hiện đầy đủ, kịp thời các chế độ báo cáo cho các cấp (nhập dữ liệu CSDL, các biểu mẫu, hồ sơ liên quan);

- Số lần kiểm tra GV của BGH, tổ trưởng: 4 lần/năm;

- 100% CBGV không vi phạm trật tự ATGT và các tệ nạn xã hội;

- 100% CBGV tự học, hoàn thành chương trình BDTX;

- 100% lớp 1 thực hiện học bạ số theo quy định; các khối lớp từ 2 đến 5 thực hiện học bạ điện tử, in sao, kí xác nhận bản gốc vào cuối năm học theo từng khối lớp.

2. Đối với học sinh

2.1. XẾP LOẠI CHUNG CỤ THỂ TỪNG MÔN HỌC VÀ HĐGD

Khối	Sĩ số	Mức độ	Tiếng Việt		Toán		Tự nhiên và xã hội/Khoa		Lịch sử và địa lý		Ngoại ngữ		Tin học/CN	
			SL	%	SL	%	SL	%	SL	%	SL	%	SL	%
1	70	T	20	28,60	20	28,60	30	42,90						
		HT	40	57,10	40	57,10	40	57,10						
		CHT	10	14,30	10	14,30								
2	73	T	24	32,80	24	32,80	30	41,00						
		HT	49	67,20	49	67,20	43	59,00						
		CHT												
3	67	T	20	29,80	24	35,80	26	38,80			13	19,40	30	45,00
		HT	47	70,20	43	64,20	41	61,20			54	80,60	37	55,00
		CHT												
4	80	T	21	26,58	19	24,05	27	34,18	21	26,58	20	25,00	17	21,52
		HT	55	68,35	56	69,62	53	65,82	58	72,15	60	75,00	63	78,48
		CHT	04	5,06	05	6,32			01	1,26				
5	79	T	18	22,78	18	22,78	18	22,78	30	37,98	10	12,70	19	24,05
		HT	59	74,68	58	73,43	61	77,22	49	62,02	69	87,30	60	75,94
		CHT	02	2,53	03	3,78								
TC	**369**	**T**	**103**	**27,91**	**105**	**28,46**	**131**	**35,50**	**51**	**30,08**	**43**	**19,03**	**66**	**29,20**

		HT	**250**	**67,76**	**246**	**66,67**	**238**	**64,50**	**107**	**67,30**	**183**	**80,67**	**160**	**70,80**
		CHT	**16**	**4,33**	**18**	**4,87**			**1**	**2,62**				

KHỐI	**Sĩ số**	**Mức độ**	**Đạo đức**		**Âm nhạc**		**Mỹ thuật**		**CN/KT**		**Thể dục/GDTC**		**HĐTN**	
			SL	**%**	**SL**	**%**	**SL**	**%**	**SL**	**%**	**SL**	**%**	**SL**	**%**
1	70	T	30	42,90	24	34,30	29	41,40			30	42,90	30	42,90
		HT	40	57,10	46	65,70	41	58,60			40	57,10	40	57,10
		CHT												
2	73	T	34	46,60	30	41,09	33	45,20			30	41,09	39	53,40
		HT	39	53,40	43	58,91	40	54,80			43	58,91	34	46,60
		CHT												
3	67	T	34	51,00	30	44,77	30	44,77	32	48,00	30	44,77	34	51,00
		HT	33	49,00	37	55,23	37	55,23	35	52,00	37	55,23	33	49,00
		CHT												
4	80	T	30	37,97	32	40,51	37	46,83	7	8,86	30	37,97	30	37,97
		HT	50	62,03	48	59,49	43	53,16	73	91,14	50	62,03	50	62,03
		CHT												
5	79	T	50	63,29	34	43,04	40	50,63	27	34,17	07	8,86	34	43,04
		HT	29	36,71	46	56,96	39	49,37	53	65,83	72	91,14	45	56,96
		CHT												
TC	**368**	**T**	**178**	**48,24**	**150**	**40,65**	**169**	**45,79**	**69**	**30,53**	**127**	**34,42**	**167**	**45,26**
		HT	**191**	**51,76**	**219**	**59,35**	**200**	**54,20**	**157**	**69,47**	**242**	**65,58**	**202**	**54,74**
		CHT												

2.2 Đánh giá về năng lực và Phẩm chất

2.2.1. Năng lực

Khối	**Sĩ số**	**Tự chủ và tự học**						**Giao tiếp và hợp tác**					
		Tốt		Đạt		CCG		Tốt		Đạt		CCG	
		SL	%	SL	%	SL	%	SL	%	SL	%	SL	%
1	70	27	38,60	36	51,40	7	10,0	27	38,60	36	51,40	7	10,00
2	73	28	38,30	45	61,70			30	41,10	43	58,90		
3	67	28	41,70	39	58,30			28	41,70	39	58,30		
4	80	24	30,38	53	65,82	3	3,8	24	30,38	54	67,09	2	2,53
5	79	24	30,38	53	63,09	02	2,53	34	43,04	45	56,96		
		Giải quyết vấn đề và sáng tạo						**Ngôn ngữ**					
		Tốt		Đạt		CCG		Tốt		Đạt		CCG	
		SL	%	SL	%	SL	%	SL	%	SL	%	SL	%
1	70	25	35,70	38	54,30	7	10,00	20	28,60	40	57,10	10	14,3

													0
2	73	28	38,30	45	61,70			28	38,30	45	61,70		
3	67	28	41,80	39	58,20			24	35,80	43	64,20		
4	80	24	30,38	52	65,82	3	3,8	25	31,65	51	64,56	3	3,8
5	79	30	37,98	48	59,49	2	2,53	37	46,84	41	50,63	2	2,53
		Tính toán						**Khoa học**					
		Tốt		Đạt		CCG		Tốt		Đạt		CCG	
		SL	%	SL	%	SL	%	SL	%	SL	%	SL	%
1	70	22	31,40	41	58,60	7	10,00	30	42,90	40	57,10		
2	73	28	38,30	45	61,70			30	41,10	43	58,90		
3	67	28	41,80	39	58,20			32	47,70	35	52,30		
4	80	20	25,32	55	68,35	5	6,33	25	31,65	52	64,56	3	3,8
5	79	21	26,58	55	69,62	3	3,8	24	30,38	55	69,62		
		Thẩm mĩ						**Thể chất**					
		Tốt		Đạt		CCG		Tốt		Đạt		CCG	
		SL	%	SL	%	SL	%	SL	%	SL	%	SL	%
1	70	20	28,60	40	57,10	10	14,30	30	42,900	40	57,00		
2	73	32	43,80	41	56,20			30	41,10	43	58,90		
3	67	32	47,70	35	52,30			32	47,70	35	52,30		
4	80	35	44,31	45	55,69			30	37,97	50	62,03		
5	79	27	34,17	50	63,3	2	2,53	28	35,4	51	64,6		
		Công nghệ						**Tin học**					
		Tốt		Đạt		CCG		Tốt		Đạt		CCG	
		SL	%	SL	%	SL	%	SL	%	SL	%	SL	%
1	70												
2	73	32	43,84	41	56,16								
3	67	32	47,70	35	52,30			30	45	37	55		
4	80	25	31,65	55	68,35			17	21,52	63	78,48		
5	79	27	34,18	52	65,82	27	34,18	19	24,05	60	75,94		

2.2.2. Phẩm chất

KHỐI	**Sĩ số**	**Yêu nước**						**Nhân ái**					
		Tốt		**Đạt**		**CCG**		**Tốt**		**Đạt**		**CCG**	
		SL	%	SL	%	SL	%	SL	%	SL	%	SL	%
1	70	40	57,10	30	42,90			40	57,10	30	42,90		
2	73	49	67,10	24	32,90			39	53,40	34	46,60		
3	67	57	85,00	10	15,00			45	67,10	22	32,90		
4	80	30	37,97	50	62,03			28	35,44	52	64,56		
5	79	79	100					65	82,28	14	17,72		
		Chăm chỉ						**Trung thực**					

		Tốt		Đạt		CCG		Tốt		Đạt		CCG	
		SL	%	SL	%	SL	%	SL	%	SL	%	SL	%
1	70	40	57,10	30	42,90			40	57,10	30	42,90		
2	73	39	53,40	34	46,60			39	53,40	34	46,60		
3	67	32	47,70	35	52,30			32	47,70	35	52,30		
4	80	33	41,77	47	58,23			30	37,97	50	62,03		
5	79	31	39,24	46	58,23	2	2,53	41	51,9	38	48,1		

KHỐI	Sĩ số	**Trách nhiệm**					
		Tốt		Đạt		CCG	
		SL	%	SL	%	SL	%
1	70	40	57,10	30	42,90		
2	73	34	46,60	39	53,40		
3	67	32	47,70	35	52,30		
4	80	24	30,38	56	69,62		
5	79	36	45,57	43	54,43		

3. Số lượng học sinh được khen thưởng cuối năm

KHỐI	**TSHS**	**HT xuất sắc các nội dung học tập và rèn luyện**	**Tỉ lệ %**	**Có thành tích vượt trội/ Tiêu biểu**	**Tỉ lệ%**	**Tổng số**	***Tỉ lệ%***
1	70	10	14,30	10	14,30	20	28,60
2	73	9	12,30	11	15,00	20	27,30
3	67	10	14,90	10	14,90	20	29,80
4	80	11	13,92	9	11,39	20	25,32
5	79	08	10,12	11	13,92	19	24,05
TC	**368**	**48**	**13,01**	**51**	**13,82**	**99**	**26,83**

4. Số học sinh hoàn thành chương trình lớp học, lên lớp, rèn luyện trong hè:

KHỐI	**Tổng số học sinh**	**Hoàn thành chương trình lớp học**		**Lên lớp**		**Rèn luyện trong hè**	
		SL	**TL**	**SL**	**TL**	**SL**	**TL**
1	70	62	88,60	62	88,58	8	11,43
2	73	73	100	73	100		
3	67	65	90,90	65	90,90	2	9,10
4	80	77	96,20	77	96,20	3	3,80
5	79	77	97,46	77	97,46	2	2,53
TỔNG SỐ	**369**	**354**	**95,43**	**354**	**95,43**	**15**	**4,57**

5. Thi Viết chữ đúng - Rèn chữ đẹp :

KHỐI	**Cấp trường**		**Cấp huyện**		**Ghi chú**
	TSHS Dự thi	**TSHS Đạt giải**	**TSHS Dự thi**	**TSHS Đạt giải**	

1					
2	11	11	6	3	
3	10	10	6	4	
4	8	5	3	3	
5	12	11	7	7	
Tổng Cộng	**41**	**37**	**22**	**15**	

II. Tổ chức các môn học và hoạt động giáo dục trong năm học.

1. Phân phối thời lượng các môn học và hoạt động giáo dục

- Căn cứ Khung chương trình giáo dục hiện hành của Bộ, các văn bản hướng dẫn đổi mới hoạt động chuyên môn và đề nghị của các tổ chuyên môn, nhà trường ban hành kế hoạch dạy học cho các môn học như sau: Tiếng Việt, Toán, Đạo đức, Tự nhiên và Xã hội, Khoa học, Lịch Sử và Địa lý, GDTC, Tin học, Công nghệ, Âm nhạc, Mĩ thuật, Ngoại ngữ, HĐTN;

- Rà soát, điều chỉnh PPCT trên cơ sở đảm bảo yêu cầu cần đạt trong chương trình giáo dục theo hướng tinh giản, tăng cường phát triển các kĩ năng cơ bản cấp tiểu học. Thực hiện kế hoạch giáo dục phù hợp với điều kiện thực tế theo khung thời gian 35 tuần thực học (học kỳ I: 18 tuần, học kỳ II: 17 tuần).

- Các tổ chuyên môn có trách nhiệm xây dựng và thực hiện kế hoạch dạy học, thiết kế tiến trình dạy học trong mỗi môn học với các nội dung, các chủ đề dạy học, các chủ đề tích hợp, liên môn, Giáo dục địa phương, giáo dục QP-AN, giáo dục STEM phù hợp và theo hình thức, phương pháp và kỹ thuật dạy học tích cực; chú trọng giáo dục đạo đức và giá trị sống, rèn luyện kỹ năng sống, hiểu biết xã hội, thực hành pháp luật; tăng cường các hoạt động nhằm giúp học sinh vận dụng kiến thức liên môn vào giải quyết các vấn đề thực tiễn. Việc xây dựng và thực hiện kế hoạch giáo dục định hướng phát triển năng lực học sinh của mỗi tổ phải phù hợp với điều kiện thực tế của nhà trường, địa phương và khả năng học tập của học sinh.

(Có các phụ lục kèm theo)

Phụ lục 1. Phân phối thời lượng các môn học và hoạt động giáo dục

TT	Hoạt động giáo dục	Số tiết lớp 1			Số tiết lớp 2			Số tiết lớp 3			Số tiết lớp 4			Số tiết lớp 5		
		Tổng	HK1	HK2	Tổng	HK1	HK2	Tổng	HK1	HK2	Tổng	HK 1	HK2	Tổng	HK 1	HK2
Môn học/hoạt động giáo dục bắt buộc																
1	**T.Việt**	420	216	204	350	180	170	245	126	119	245	126	119	245	126	119
2	**Toán**	105	54	51	175	90	85	175	90	85	175	90	85	175	90	85
3	**TNXH**	70	36	34	70	36	34	70	36	34						
4	**K. học**										70	36	34	70	36	34
5	**LS&ĐL**										70	36	34	70	36	34
6	**T. Anh**							140	72	68	140	72	68	140	72	68
7	**Đ. Đức**	35	18	17	35	18	17	35	18	17	35	18	17	35	18	17
8	**Â.Nhạc**	35	18	17	35	18	17	35	18	17	35	18	17	35	18	17
9	**MT**	35	18	17	35	18	17	35	18	17	35	18	17	35	18	17
10	**CN**							35	18	17	35	18	17	35	18	17
11	**TD/ GDTC**	70	36	34	70	36	34	70	36	34	70	36	34	70	36	34
12		105	DC 18 LL	DC 17 LL	105	DC 18 CĐ	DC 17 CĐ	105	DC 18 CĐ 18	DC 17 CĐ 17	105	DC 18 CĐ	DC 17 CĐ 17	35	DC 18	DC 17

	HĐTN		18 SHL 18	17 SHL 17		18 SHL 18	17 SHL 17		 SHL 18	 SHL 17		18 SHL 18	 SHL 17		 SHL 18	 SHL 17
13	**Tin Học**							35	18	17	35	18	17	35	18	17
1. **Hoạt động củng cố, tăng cường** *(Số tiết tăng cường được thực hiện xem kẽ trong các buổi thuộc thời khóa biểu chính khóa)*																
1	**TCTV**	105	54	51	105	54	51	71	36	35	35	18	17	*35*	18	17
2	**TC Toán**	35	18	17	105	54	51	71	36	35	35	18	17	35	18	17
TỔNG		**1015**	**522**	**493**	**1015**	**522**	**493**	**1120**	**576**	**544**	**1120**	**576**	**544**	**1120**	**576**	**544**
Tổng số tiết/tuần		**1015 tiết/35 tuần = 29 tiết/tuần**			**1015 tiết/35 tuần = 29 tiết/tuần**			**1120 tiết/35 tuần 32 tiết/tuần**			**1120 tiết/35 tuần = 32 tiết/tuần**			**1120 tiết/35 tuần 32 tiết/tuần**		
Số buổi dạy/tuần		**9 buổi/tuần**			**9 buổi/tuần**			**9 buổi/tuần**			**9 buổi/tuần**			**10 buổi/tuần**		

2. Khung thời gian thực hiện chương trình năm học 2024- 2025

Thực hiện Quyết định số 994/QĐ-UBND ngày 08 tháng 8 năm 2024 của Chủ tịch UBND tỉnh Quảng Ngãi về Kế hoạch thời gian năm học 2024 - 2025 cụ thể đối với giáo dục tiểu học:

Ngày tựu trường: Thứ hai, ngày 29/8/2024 (Riêng lớp 1: 22/8/2024);

Ngày khai giảng: ngày 05/9/2024;

Học kỳ I: Từ ngày 06/9/2024 đến trước ngày 18/01/2025 (gồm 18 tuần thực học, còn lại dành cho các hoạt động khác).;

Học kỳ II: Từ ngày 15/01/2024 đến trước ngày 31/5/2024 (gồm 17 tuần thực học, còn lại dành cho các hoạt động khác);

Ngày Tổng kết năm học: Từ trước ngày 31/5/2025;

Xét hoàn thành CTTH trước: 20/6/2025.

Các ngày nghỉ Lễ, Tết theo quy định hiện hành.

3. Thời gian biểu hàng ngày.

BUỔI	TIẾT	GIỜ BẮT ĐẦU	HẾT TIẾT
SÁNG (*Trống vào lớp 6h 45 phút)*	1	7giờ 00	7 giờ 35
	2	7 giờ 40	8 giờ 15
	3	8 giờ 20	8 giờ 55
	RA CHƠI (30 phút)		
	4	9 giờ 25	10 giờ 00
	Tan trường: 10 giờ 05		

BUỔI	TIẾT	GIỜ BẮT ĐẦU	HẾT TIẾT
CHIỀU *(Trống vào lớp 13h 30 phút)*	1	13 giờ 30	14 giờ 05
	2	14 giờ 10	14 giờ 45
	RA CHƠI (30 phút)		
	3	15 giờ 15	15 giờ 50
	Tan trường: 15 giờ 55		

4. Thời lượng thực hiện chương trình

4.1. Đối với khối lớp 1

TỔNG HỢP CHUNG			
TT	**Tên hoạt động**	**Số lượng tiết học**	**Chi chú**
1	Tiếng Việt	12	
	Tiếng Việt (ôn) tăng cường	3	

2	Toán	3	
	Toán (ôn) tăng cường	1	
3	Đạo đức	1	
4	TNXH	2	
5	ÂN	1	
6	MT	1	
7	GDTC	2	
8	HĐTN	3	29

4.2. Đối với lớp 2

TỔNG HỢP CHUNG			
TT	**Tên hoạt động**	**Số lượng tiết học**	**Chi chú**
1	Tiếng Việt	10	
	Tiếng Việt (ôn) tăng cường	3	
2	Toán	5	
	Toán (ôn) tăng cường	1	
3	Đạo đức	1	
4	TNXH	2	
5	ÂN	1	
6	MT	1	
7	GDTC	2	
8	HĐTN	3	29

4.3. Đối với lớp 3

TỔNG HỢP CHUNG			
TT	**Tên hoạt động**	**Số lượng tiết học**	**Chi chú**
1	Tiếng Việt	7	
2	Toán	5	
3	Đạo đức	1	
4	TNXH	2	
5	ÂN	1	
6	MT	1	
7	Giáo dục thể chất	2	
8	Công nghệ	1	
9	HĐTN	3	
10	Tiếng Anh	4	
11	Tin học	1	
12	Tăng cường TV	3	
13	Tăng cường Toán	1	32

4.4. Đối với lớp 4

TỔNG HỢP CHUNG			
TT	**Tên hoạt động**	**Số lượng tiết học**	**Chi chú**
1	Tiếng Việt	7	
2	Toán	5	
3	Đạo đức	1	
4	Khoa học	2	
5	ÂN	1	
6	MT	1	
7	Lịch Sử và Địa Lí	2	
8	Giáo dục thể chất	2	
9	Công nghệ	1	
10	Tiếng Anh	4	
11	Tin học	1	
12	Hoạt động trải nghiệm	3	
13	TCTV; TCT	2	32

4.5. Đối với lớp 5

TỔNG HỢP CHUNG			
TT	**Tên hoạt động**	**Số lượng tiết học**	**Chi chú**
1	Tiếng Việt	7	
2	Toán	5	
3	Đạo đức	1	
4	Khoa học	2	
5	ÂN	1	
6	MT	1	
7	Lịch Sử và Địa Lí	2	
8	Giáo dục thể chất	2	
9	Công nghệ	1	
10	Hoạt động trải nghiệm	3	
11	Tiếng Anh	4	
12	Tin học	1	
13	Tăng cường Toán; TCTV	2	32

IV. Giải pháp thực hiện

1. Tiếp tục thực hiện hiệu quả chương trình giáo dục

Thực hiện đảm bảo Chương trình GDPT 2018 phù hợp với thực tế của nhà trường;

Tổ chức thực hiện lồng ghép hiệu quả nội dung giáo dục của địa phương ở cấp tiểu học; thực hiện nội dung giáo dục địa phương theo Công văn chỉ đạo của SGD&ĐT-GDTH, Phòng GD&ĐT sẽ có hướng dẫn riêng thực hiện nội dung giáo dục địa phương đối với lớp 5;

Xây dựng kế hoạch giáo dục đảm bảo thực hiện đầy đủ nội dung các môn học và hoạt động giáo dục bắt buộc, lựa chọn nội dung giáo dục tự chọn và xây dựng các hoạt động giáo dục khác phù hợp với nhu cầu của học sinh và điều kiện của nhà trường, địa phương;

Điều chỉnh nội dung dạy học một cách hợp lí nhằm đáp ứng yêu cầu, mục tiêu giáo dục tiểu học, phù hợp với đối tượng học sinh các vùng miền, đồng thời từng bước thực hiện đổi mới nội dung, phương pháp dạy học theo hướng phát triển năng lực của học sinh;

Tăng cường các hoạt động thực hành, hoạt động trải nghiệm, kỹ năng vận dụng kiến thức vào thực tiễn, phù hợp với tình hình thực tế của nhà trường, địa phương và khả năng học tập của học sinh. Chú trọng GD đạo đức lối sống, giá trị sống, kỹ năng sống, hiểu biết xã hội cho học sinh, phối hợp chặt chẽ với các tổ chức Đoàn, Đội để GD học sinh một cách thiết thực, hiệu quả;

Xây dựng chương trình dạy học, sắp xếp thời khóa biểu, điều chỉnh nội dung dạy học theo các chủ đề học tập phù hợp với đối tượng học sinh. Tích cực đổi mới cách thức tổ chức các hoạt động GD với phương châm "nhẹ nhàng - tự nhiên - hiệu quả", nhằm phát huy tính tích cực, chủ động, sáng tạo của học sinh;

Bố trí hợp lý HĐTN, HĐ GDNGLL để triển khai các nội dung giáo dục an toàn giao thông, kỹ năng sống như kĩ năng giao tiếp, kĩ năng rửa tay với xà phòng, kĩ năng phòng tránh đuối nước…Tổ chức đọc sách và các nội dung theo chủ đề tháng.

2. Đẩy mạnh việc đổi mới phương pháp, hình thức tổ chức dạy học

- Thực hiện nội dung dạy học theo hướng tiếp cận định hướng chương trình giáo dục phổ thông mới; đổi mới phương pháp dạy, phương pháp học và nâng cao chất lượng đánh giá học sinh tiểu học. Cụ thể:

+ Dạy học thông qua tổ chức các hoạt động học tập, từ đó giúp học sinh tự khám phá những điều chưa biết chứ không phải thụ động tiếp thu những tri thức đã được sắp đặt sẵn;

+ Tăng cường sử dụng hiệu quả thiết bị dạy học, ứng dụng hợp lý công nghệ thông tin phù hợp với nội dung học và đối tượng học sinh;

+ Sử dụng hệ thống câu hỏi, bài tập, nhiệm vụ học tập phù hợp với các đối tượng trong tiến trình dạy học; chú ý rèn luyện cho học sinh những tri thức phương pháp để học sinh biết cách đọc sách giáo khoa, tự tìm lại những kiến thức đã có, suy luận để tìm tòi, phát hiện kiến thức mới, vận dụng kiến thức, kỹ năng để đáp ứng yêu cầu học tập;

+ Thông qua sinh hoạt chuyên môn ở tổ, giáo viên đăng ký tiết dạy, nội dung dạy học theo hướng đổi mới, thể hiện cụ thể trên bài soạn. Tổ chuyên môn dự giờ

góp ý đồng thời chọn những tiết dạy thí nghiệm để thảo luận, xây dựng rút kinh nghiệm ở tổ, trường;

- Phụ trách chuyên môn hướng dẫn cho giáo viên dạy môn Mĩ thuật chủ động sắp xếp bài dạy theo hướng nhóm các nội dung bài học thành các chủ đề theo hướng dẫn tại "Tài liệu dạy học Mĩ thuật dành cho giáo viên tiểu học" từ lớp 1 đến lớp 5, đảm bảo yêu cầu đổi mới phương pháp, hình thức tổ chức dạy học đạt hiệu quả cao nhất, góp phần tích cực phát triển năng lực và phẩm chất học sinh. Tham gia tích cực vào hội thảo chuyên môn cụm trường;

- Phân công giáo viên dạy phù hợp với năng lực, có kinh nghiệm trong giảng dạy, cũng như có tinh thần trách nhiệm cao. Ngay sau khi tập huấn các khối trưởng cùng các thành viên thống nhất xây dựng kế hoạch dạy học và giáo dục các môn học theo Chương trình GDPT 2018 phù hợp với thực tiễn đơn vị;

- Tổ chức tập huấn hội thảo cấp trường tham gia cấp cụm trường về kĩ thuật dạy học theo tài liệu mới;

- Tổ chức tập huấn lại cho phụ huynh, lắng nghe, nhiệt tình trao đổi những vấn đề khó khăn trong khi hướng dẫn cho con em học ở nhà, để họ có thể hướng dẫn con em mình tự học ở nhà theo đúng chương trình mới.

Tổ chức thực hiện giáo dục STEM tiếp cận theo định hướng của Chương trình giáo dục phổ thông 2018 theo hướng dẫn của Phòng Giáo dục và đào tạo.

Tăng cường tham mưu quan tâm bố trí nguồn kinh phí, trang bị cơ sở vật chất để bảo đảm thực hiện hiệu quả giáo dục STEM trong nhà trường phù hợp với điều kiện của địa phương theo quy định; thực hiện hiệu quả công tác tuyên truyền, nâng cao nhận thức của cán bộ quản lí, giáo viên, cha mẹ học sinh, học sinh về vai trò của giáo dục STEM. Hướng dẫn giáo viên sử dụng hiệu quả nguồn học liệu tại địa chỉ website https://stemtieuhoc.edu.vn và tổ chức lựa chọn tài liệu, các nguồn học liệu khác theo quy định.

3. Sinh hoạt chuyên môn chuyên đề và NCBH.

- Đẩy mạnh việc giáo viên sử dụng ứng dụng công nghệ thông tin trong dạy học; dạy học tích hợp và sinh hoạt chuyên môn dựa trên nghiên cứu bài học; tăng cường đẩy mạnh giáo dục kĩ năng sống cho học sinh, hoạt động giáo dục ngoài giờ lên lớp;

- Xây dựng kế hoạch, nội dung chuyên đề, nội dung SHCM theo nghiên cứu bài học được thực hiện theo 3 bước:

Bước 1: Tổ chuyên môn lựa chọn những bài học/chủ đề khó, hoặc những chủ đề có điều kiện để áp dụng phương pháp và kỹ thuật dạy học tích cực, ứng dụng CNTT vào dạy học, sau đó tiến hành thảo luận, tìm tòi các giải pháp và thiết kế phương án dạy học (kế hoạch bài học), sau khi đã thống nhất phương án dạy học và xây dựng kế hoạch bài học, tổ/nhóm chuyên môn phân công 1 giáo viên dạy minh họa theo kế hoạch đã xây dựng.

Bước 2: Tiến hành dạy minh họa và dự giờ. Việc dự giờ chủ yếu quan sát nhằm phát hiện, ghi nhận các hoạt động học của học sinh và hiệu quả của kế hoạch bài học mà nhóm đã xây dựng, nhận ra những ưu điểm cũng như những tồn tại, hạn chế cần điều chỉnh;

Bước 3: Thảo thuận về kết quả giờ dạy minh họa theo kế hoạch bài học đã xây dựng, đánh giá ưu điểm, hạn chế, nguyên nhân…sau đó điều chỉnh lại kế hoạch bài học, thực hiện kế hoạch bài học ở những lớp khác, rút kinh nghiệm để xây dựng kế hoạch cho các bài/chủ đề dạy học khác.

4. Thực hiện Hoạt động trải nghiệm

4.1. Tổ chức tiết sinh hoạt lớp

a. Thời gian tổ chức: Giáo viên tổ chức vào tiết Sinh hoạt lớp cuối tuần (35 tiết/năm).

b. Nội dung: Nội dung hoạt động trải nghiệm tập trung vào các nội dung: theo từng chủ đề ở tài liệu HĐTN theo CT GDPT 2018.

4.2. Hoạt động trải nghiệm toàn trường trong tiết chào cờ đầu tuần

a. Thời gian: Sáng thứ Hai hàng tuần (35 tiết/năm).

b. Nội dung:

- Tổ chức giáo dục hoạt động trải nghiệm theo tình hình thực tế của trường từng thời điểm diễn ra trong tuần hiện tại, phù hợp với chủ điểm;
- Tổ chức các hoạt động giao lưu: Giao lưu văn nghệ; giao lưu đọc sách; giao lưu kể chuyện đạo đức; theo chủ điểm…;
- Tổ chức các hoạt động tuyên tuyền về An toàn giao thông; tuyên truyền phòng chống tai nạn thương tích; tuyên truyền về xây dựng trường học an toàn, thân thiện, phòng chống bạo lực học đường; tuyên truyền, giáo dục truyền thống yêu nước, xây dựng đạo đức học đường;
- Tổ chức các hoạt động giao lưu năng khiếu: múa, hát, kể chuyện, đọc thơ...
- Tổ chức giao lưu Trò chơi dân gian;

c. Thành phần tham gia:

- 100% cán bộ, giáo viên, nhân viên tham gia;

4.3. Hoạt động trải nghiệm theo chủ điểm (35 tiết/năm/lớp)

Thực hiện tiết lên lớp theo yêu cầu của chương trình 35 tiết/năm, bảo đảm phù hợp với thực tế điều kiện lớp học và học sinh, không máy móc, áp đặt.

5. Tiếp tục nâng cao chất lượng giáo dục đối với trẻ khuyết tật, trẻ em có hoàn cảnh khó khăn.

- Đầu năm học GVCN Lập danh sách học sinh có hoàn cảnh khó khăn và học sinh khuyết tật của lớp mình nộp về nhà trường tổng hợp. Hàng tháng giáo viên theo dõi sự tiến bộ học sinh. Giáo viên luôn quan tâm, giúp đỡ học sinh đó để học sinh đó được học, động viên khi các em có sự tiến bộ. Nhà trường hỗ trợ sách, vở, quần áo….

- Đối với những học sinh có khó khăn về học tập, giáo viên cần quan sát kĩ lưỡng, khi phát hiện được cần thông báo với phụ huynh để có sự phối hợp giúp đỡ;

không yêu cầu cao và tạo áp lực đối với học sinh còn hạn chế về năng lực học tập. Phân công nhiệm vụ cụ thể cho từng đồng chí giáo viên giúp đỡ học sinh.

- Nắm bắt hoàn cảnh từng gia đình của từng em và xem em đó cần giúp đỡ vấn đề gì? Để kết hợp cùng gia đình giúp đỡ em đó. Thường xuyên theo dõi, động viên khích lệ, hỗ trợ về tinh thần cũng như vật chất để em đó vượt qua mọi hoàn cảnh vươn lên học tập tốt hơn**.**

- Thực hiện dạy học, đánh giá phù hợp với từng loại khuyết tật, từng giai đoạn phát triển của trẻ. Có hồ sơ giáo dục cá nhân của trẻ khuyết tật theo quy định.

6. Thực hiện đổi mới đánh giá học sinh Tiểu học

Tổ chức tập huấn việc thực hiện thông tư 27/2020 của Bộ GD&ĐT về đánh giá HS tiểu học ngay từ đầu năm học;

Thực hiện bàn giao chất lượng GD cuối năm học một cách nghiêm túc; thực hiện khen thưởng học sinh thực chất, đúng quy định.

7. Công tác bồi dưỡng học sinh năng khiếu và phụ đạo học sinh chưa đạt chuẩn kiến thức kĩ năng, tăng cường tiếng Việt cho học sinh DTTS.

**** Đối với học sinh yếu:***

- Giáo viên quan tâm, giúp đỡ trong các giờ học trên lớp;

- Tổ chức dạy phụ đạo học sinh yếu theo chỉ đạo của nhà trường và kế hoạch của tổ. Chú trọng học sinh yếu, kém chưa biết đọc, biết viết trong các tiết học và buổi phụ đạo *(giáo viên cần tập đọc, tập viết nhiều cho những học sinh này, phân công những học sinh đọc, viết tốt giúp đỡ những em này trong những buổi học, nếu có điều kiện thì gọi học sinh đó đến nhà mình để kèm cặp thêm một buổi/tuần,…),* hoàn thành kế hoạch phụ đạo theo yêu cầu và mẫu của chuyên môn, định kì đánh giá việc thực hiện và báo cáo kết quả của việc phụ đạo;

- Việc tăng cường Tiếng Việt cho học sinh phải được thực hiện ở tất cả các lớp, tất cả các tiết học, thậm chí mọi lúc, mọi nơi có thể lồng ghép việc tăng cường;

- Liên hệ với gia đình học sinh để cùng phối hợp giáo dục;

- Lãnh đạo nhà trường tăng cường việc dự giờ các buổi phụ đạo để có chỉ đạo cụ thể công tác này.

**** Đối với học sinh năng khiếu***

- Giáo viên tạo điều kiện để học sinh được thể hiện năng khiếu Toán/tiếng Việt của mình ngay trong giờ học;

- Tổ chức dạy bồi dưỡng học sinh giỏi theo chỉ đạo của nhà trường và theo kế hoạch của tổ;

- Giới thiệu tài liệu tham khảo để học sinh tự học ở nhà.

**** Biện pháp phối hợp:***

- Tổ chức họp cha mẹ học sinh các khối lớp, nắm bắt tình hình học tập ở nhà và điều kiện của từng học sinh, từ đó thống nhất biện pháp phối hợp;

- Thông báo lịch học tập bồi dưỡng và phụ đạo của trường, để cha mẹ học sinh biết phối hợp quản lý, vận động và đưa con em mình đi học bảo đảm đúng thời gian kế hoạch;

- Cha mẹ học sinh bảo đảm ở nhà phải sắp xếp có chỗ học cho các em, mua sắm đủ sách vở, dụng cụ học tập và tạo mọi điều kiện để con học tập ở nhà được thuận lợi.

**** Đối với giáo viên bộ môn, nhân viên trong nhà trường:***

- Giáo viên bộ môn, khi dạy học cần quan tâm đến việc đọc, viết của các em; thực hiện dạy các môn Đạo đức, Tự nhiên và Xã hội, Khoa học, Lịch sử, Địa lí như dạy phân môn Tập đọc, chủ yếu cho học sinh đọc bài và hỏi nội dung các câu hỏi liên quan đến bài đọc; các môn học khác có tình chất nghệ thuật, cần tăng cường tiếng Việt nhiều cho các em trong tiết học;

- Đối với cán bộ, nhân viên nhà trường, khi làm việc, trao đổi với các em cũng cần uốn nắn cách trả lời, trình bày bằng tiếng Việt, để các em được rèn luyện nhiều hơn với tiếng Việt, góp phần củng cố vốn từ cho học sinh.

**** Đối với việc tăng cường tiếng Việt:*** thực hiện theo thời khóa biểu đã phân với định mức ở các lớp khác nhau (khối lớp 2,3 thực hiện theo chỉ đạo chung của ngành theo Đề án TCTV cho HSDTTS), với phương châm tăng cường tiếng Việt mọi lúc, mọi nơi phù hợp với hoạt động dạy học và giáo dục của trường.

8. Thực hiện tốt công tác tuyên truyền, phối hợp giữa nhà trường, gia đình và xã hội.

Làm tốt công tác truyền thông giáo dục để xã hội hiểu và chia sẻ, đồng thuận với các chủ trương đổi mới về GDTH; xây dựng kế hoạch truyền thông, phối hợp chặt chẽ với các cơ quan truyền thông trên địa bàn xã, kịp thời, chủ động cung cấp thông tin để định hướng dư luận, tạo niềm tin của xã hội;

Triển khai đổi mới giáo dục tiểu học theo chủ trương của ngành, nhà trường chủ động cung cấp thông tin cho cha mẹ học sinh và nhân dân biết qua các kênh thông tin truyền thông; đồng thời, sẵn sàng lắng nghe và thảo luận các vấn đề mới đang tồn tại nhiều cách hiểu khác nhau để tạo lập sự đồng thuận và hỗ trợ của xã hội;

Nhà trường tăng cường công tác phổ biến và hướng dẫn giáo viên thường xuyên cập nhật và thực hiện nghiêm túc các văn bản quy phạm pháp luật.

9. Tăng cường chuyển đổi số trong giáo dục và đào tạo và giáo dục kĩ năng công dân số

Tổ chức triển khai thực hiện bước đầu việc quản lý hồ sơ chuyên môn, đánh giá học sinh và học bạ điện tử trên phần mềm EDOC.

V. Tổ chức thực hiện và báo cáo

1. Phân công thực hiện

1.*1. Đối với nhà trường*

- Phổ biến, quán triệt Chỉ thị của Bộ và Hướng dẫn thực hiện nhiệm vụ năm học 2024-2025 của các cấp, các Chỉ thị, Nghị quyết của các cấp ủy Đảng, Nghị quyết Hội nghị viên chức của trường đến giáo viên đầy đủ và kịp thời;

- Chỉ đạo việc xây dựng kế hoạch dạy theo sự phân hóa đối tượng học sinh, tăng thời lượng phụ đạo; tập huấn chuyên môn nghiệp vụ cho giáo viên;

- Chỉ đạo việc sinh hoạt chuyên môn trong nhà trường một cách thiết thực, hiệu quả phù hợp với điều kiện thực tế của đơn vị;

- Tăng cường kiểm tra chuyên môn, hoạt động sư phạm của nhà giáo, chất lượng giáo dục đối với học sinh; việc thực hiện kỉ cương, kỉ luật hành chính theo các văn bản chỉ đạo của các cấp, nhất là việc thực hiện Quyết định 16/2008 của Bộ GD&ĐT về Qui định đạo đức nhà giáo;

- Thực hiện tốt công khai và cam kết chất lượng trong nhà trường;

- Chỉ đạo và tổ chức việc sinh hoạt chuyên môn theo hướng dẫn của các cấp; tham mưu tổ chức các hội thi chuyên môn cho giáo viên;

- Kiểm tra việc dạy học các lớp thường xuyên, kịp thời hỗ trợ giáo viên và phản ánh những khó khăn vướng mắc trong quá trình thực hiện cho các cấp;

- Tăng cường việc kiểm tra nội bộ về hồ sơ chuyên môn của tổ, khối, hoạt động sư phạm của nhà giáo, việc sự dụng sách giáo khoa và thiết bị dạy học; việc lồng ghép các nội giáo dục theo quy định;

- Tăng cường đầu tư trang thiết bị, nhất là hạ tầng thông tin phục vụ công tác chuyển đổi số trong nhà trường bước đầu triển khai được thuận lợi;

- Định kì đánh giá, sơ kết, tổng kết để bổ sung biện pháp thực hiện để đạt kết quả cao hơn.

1.2. Đối với Tổ, Khối trưởng:

- Cụ thể hóa kế hoạch công tác của nhà trường thành chương trình kế hoạch của tổ, khối để triển khai thực hiện trong tổ, khối;

- Thống nhất xây dựng kế hoạch dạy học của tổ, khối trình Hiệu trưởng phê duyệt;

- Tổ chức sinh hoạt chuyên môn, dự giờ theo hướng dẫn của các cấp, kiểm tra hoạt động sư phạm nhà giáo khi được nhà trường phân công;

- Thường xuyên kiểm tra hồ sơ chuyên môn và chất lượng dạy - học của tổ, khối mình phụ trách;

- Thực hiện việc ra đề kiểm tra của tổ khối theo phân công của Hội đồng ra đề nhà trường, thống kê báo cáo các biểu mẫu theo qui định;

- Định kỳ báo cáo việc thực hiện nhiệm vụ của tổ, đề xuất những biện pháp để tổ, khối hoàn thành nhiệm vụ.

1.3. Đối với giáo viên:

- Có đầy đủ hồ sơ chuyên môn theo qui định; xây dựng kế hoạch dạy học theo phân hóa đối tượng học sinh đã được tổ khối thống nhất và nhà trường phê duyệt; có kế hoạch và thực hiện bồi dưỡng thường xuyên theo qui định;

- Tham gia đầy đủ các buổi tập huấn và sinh hoạt chuyên môn, bồi dưỡng thường xuyên; tham gia các hội thi, phong trào thi đua của nhà trường và các cấp phát động; đăng ký chất lượng và chịu trách nhiệm về chất lượng của lớp, môn mình phụ trách;

- Tăng cường công tác phụ đạo học sinh yếu, bồi dưỡng học sinh khá giỏi;

- Phối hợp với cha mẹ học sinh trong việc duy trì sĩ số, cải thiện chất lượng giáo dục các mặt;

- Kiểm tra, đánh giá học sinh theo Thông tư 27/2020 theo tinh thần khách quan, công khai, công bằng trên nguyên tắc khích lệ tinh thần tự học, sáng tạo của học sinh;

- Tăng cường tự nghiên cứu, tự học hỏi để trau dồi kiến thức chuyên môn.

1.4. Các biện pháp tăng cường khác

- Xây dựng chương trình, triển khai công tác Đội và phong trào thiếu nhi trong nhà trường;

- Phối hợp với giáo viên chủ nhiệm, giáo viên bộ môn đẩy mạnh việc tổ chức các hoạt động ngoài giờ lên lớp, nhất là hoạt động trải nghiệm, giao lưu tiếng Việt, ngày hội học sinh nhằm hỗ trợ học tập cho học sinh;

- Tổ chức tiết đọc thư viện phù hợp với điều kiện hiện có của trường để tăng cường và rèn kĩ năng sử dụng tiếng Việt cho học sinh;

- Xây dựng kế hoạch triển khai thực hiện nhiệm vụ công tác XMC, phổ cập GDTH; tập huấn và tổ chức tập huấn cấp trường, phân công điều tra, thống kê tổng hợp số liệu, báo cáo công tác phổ cập theo qui định;

- Phối hợp với Y tế học đường khám sức khỏe định kỳ cho học sinh.

2. Chế độ báo cáo

- Hàng tháng, bộ phận chuyên môn tổng kết công tác tháng và lập kế hoạch cho tháng tới;

- Sơ kết từng học kỳ;

- Tổng kết chuyên môn;

- Báo cáo theo yêu cầu của ngành.

Trên đây là Kế hoạch thực hiện nhiệm vụ giáo dục cấp tiểu học năm học 2024-2025 của trường, yêu cầu các bộ phận và cán bộ, giáo viên nghiêm túc triển khai thực hiện./.

***Nơi nhận*:**
- Phòng GD&ĐT (B/C);
- HT, các PHT;
- Các tổ CM, GVTH;
- Website trường;
- Lưu VT.

HIỆU TRƯỞNG

ỦY BAN NHÂN DÂN HUYỆN BA TƠ T. QUẢNG NGÃI
TRƯỜNG TIỂU HỌC VÀ TRUNG HỌC CƠ SỞ BA VINH

Trần Thị Kim Phượng

Duyệt của Hội đồng trường TH&THCS Ba Vinh

Trần Thị Kim Phượng